

**HƯỚNG DẪN**  
**Công tác tuyên truyền tháng 12 năm 2021**

-----

Thực hiện Hướng dẫn số 58-HD/BTGTU, ngày 26/11/2021 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về Công tác tuyên truyền tháng 12 năm 2021 và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy; ngoài các nội dung đã có định hướng tuyên truyền chuyên đề, Ban Tuyên giáo Huyện ủy đề nghị các cơ quan chuyên môn và các địa phương, đơn vị chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa nhân sự kiện các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương trong tháng: Ngày Thế giới phòng chống HIV/AIDS (01/12); Ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam (06/12/1989 - 06/12/2021); Ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946); Ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam (20/12/1960); Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944) và Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989); 17 năm Ngày thành lập huyện Đam Rông; các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi giải trí chào đón Tết Dương lịch 2022...và các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong tháng.

2. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt nghiêm túc văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch Covid-19; các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và hướng dẫn của ngành y tế; các giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 với lộ trình từng bước, chặt chẽ, phù hợp, khả thi; vừa phòng, chống dịch hiệu quả vừa khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội. Các giải pháp y tế phải đồng bộ giữa cách ly với xét nghiệm, điều trị, vắc xin, theo phương châm “cách ly, xét nghiệm là then chốt; vắc xin, thuốc điều trị là điều kiện tiên quyết”.

3. Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2021, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tháng 12 năm 2021

4. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016; Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 29-KH/HU, ngày 10/9/2021 thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.



Tuyên truyền, giới thiệu chuyên đề toàn khóa XIII và năm 2021 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí của tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy bản chất, truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”, cựu chiến binh phải là những người gương mẫu, tiêu biểu cho thế hệ trẻ học tập, noi theo; tích cực đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Chỉ đạo các cấp hội phát động phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực chào mừng đại hội hội cựu chiến binh từ cơ sở đến cấp tỉnh, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ VII; Chỉ thị số 09-CT/HU ngày 14/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo Đại hội Hội Cựu chiến binh các cấp và Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh Huyện lần thứ IV (*nhiệm kỳ 2022 - 2027*).

6. Đẩy mạnh tuyên truyền biển, đảo; công tác biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; công tác thông tin đối ngoại năm 2021.

7. Tiếp tục tuyên truyền Chương trình hành động số 10-CTr/TU, ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 18-CTr/HU, ngày 26/6/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 03-NQ/HU, ngày 14/5/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường công tác phát triển Đảng ở khu dân cư và xây dựng chi bộ nông thôn bền vững có cấp ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về đổi mới và nâng cao sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác vận động quần chúng ở địa phương đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

8. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Quyết định 238-QĐ/TW, ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm.

9. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Giải Báo chí về phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, năm 2021-2022 với chủ đề “*Giải Báo chí về phong trào công nhân và hoạt động Công đoàn tỉnh Lâm Đồng thời kỳ đổi mới*” do Liên đoàn Lao động tỉnh và Hội Nhà báo tỉnh Lâm Đồng phối hợp tổ chức.



10. Tăng cường tuyên truyền, cổ vũ Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Nhâm Dần - năm 2022 nhằm góp phần thúc đẩy thực hiện Phong trào có hiệu quả trên địa bàn huyện theo tinh thần Công văn số 1050-CV/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” năm 2022.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền về phòng cháy chữa cháy, cảnh báo nguy cơ xảy ra cháy lớn cho quần chúng Nhân dân, những người làm việc trong các cơ sở nhà cao tầng, khu dân cư biết để chủ động tham gia công tác phòng ngừa, không để xảy ra cháy, nổ và tham gia ứng phó khi cháy, nổ xảy ra.

12. Tuyên truyền kết quả Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, Đại hội đại biểu Phụ nữ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2021-2026; trong đó tập trung tuyên truyền những đóng góp của các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh và địa phương đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và đất nước; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

13. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nội dung của Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khoá X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”; Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư khoá XII về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập” để toàn thể tổ chức Đảng và đảng viên quán triệt đầy đủ và thực hiện tốt nội dung các văn bản trên

14. Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

15. Tuyên truyền kết quả Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XV (*Gửi kèm đề cương*)

Trên đây là hướng dẫn tuyên truyền tháng 12 năm 2021, đề nghị các tổ chức cơ sở đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Trang thông tin điện tử khối Đảng,
- Lưu VPHU.

**K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Trần Phước Mênh**



## TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

\*  
Số 07 - NQ/TU

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*Lâm Đồng, ngày 12 tháng 11 năm 2021*

### **NGHỊ QUYẾT** **CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XI)** **Về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025,** **định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

-----

#### **I. TÌNH HÌNH**

Đam Rông là huyện được áp dụng các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. Nhờ sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và sự nỗ lực, quyết tâm, cố gắng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân nên những năm qua, kinh tế - xã hội phát triển và đạt được kết quả khá toàn diện. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,1%/năm; tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng trưởng bình quân 9,5%; thu nhập trên một đơn vị diện tích đạt 86,3 triệu đồng/ha năm 2020; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân đạt 11,1%/năm; thương mại, dịch vụ đạt 15,7%/năm; hạ tầng kinh tế - xã hội được ưu tiên đầu tư khá đồng bộ và từng bước hoàn thiện; kinh tế nông nghiệp nhiều chuyển biến; diện mạo nông thôn khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiến bộ, giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đầu tư, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng; thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững đạt kết quả khá tốt; đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,46%, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn 11,7%. Quốc phòng, an ninh giữ vững ổn định. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được tăng cường, củng cố.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được đầu tư, hỗ trợ từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, chính sách của tỉnh và sự tham gia hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện; qua đó, đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, cận nghèo ngày càng được cải thiện. Đến cuối năm 2020, toàn huyện Đam Rông có 4/8 xã thoát khỏi khu vực III, 27/53 thôn thoát khỏi thôn đặc biệt khó khăn.

*Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế:* Kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và sự đầu tư của Trung ương, tỉnh. Việc xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực còn lúng túng, thu nhập trên đơn vị diện tích thấp so với bình quân chung của tỉnh. Kết cấu hạ tầng đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ chưa đầu tư đồng bộ. Công tác quản lý, bảo vệ rừng và tài nguyên khoáng sản còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nhất là tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao hơn bình quân chung của tỉnh. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định; vấn đề “di dân tự do”, dân về “làng cũ” chưa được giải quyết dứt điểm. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có mặt chưa đạt yêu cầu.

*Những tồn tại, hạn chế trên do các nguyên nhân chủ yếu sau:* Huyện Đam Rông có xuất phát điểm về kinh tế thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, các tuyến đường giao thông kết nối vùng kinh tế của tỉnh và khu vực lân cận chưa được đầu tư đồng bộ; nguồn lực đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương, tỉnh. Mặt khác, Đam Rông là huyện có tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, trình độ sản xuất, canh tác còn thấp, chuyển biến về nhận thức chưa nhiều, còn trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, thiếu chủ động vươn lên trong lao động sản xuất và thoát nghèo. Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức đảng chưa được phát huy đúng mức; tính tiên phong, gương mẫu và trách nhiệm một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao; đoàn kết, thống nhất có thời điểm chưa tốt; việc kiểm tra, đôn đốc, phát hiện vi phạm trên một số lĩnh vực còn chậm, thiếu quyết liệt, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm..., ảnh hưởng tới kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, giữa hỗ trợ của tỉnh và sự nỗ lực vươn lên của địa phương; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa địa phương với các địa phương khác trong tỉnh. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, sử dụng nguồn lực của mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và các lĩnh vực kinh tế địa phương có tiềm năng, thế mạnh.

- Xác định nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực; nhiệm vụ giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, xuyên suốt; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là thường xuyên. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn, giữ gìn văn hóa truyền thống các dân tộc; giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ; hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy sự năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường vươn lên của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

### **2. Mục tiêu và chỉ tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu**

- Đến năm 2025: Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thoát nghèo bền vững; thu nhập bình quân của người dân tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020; Trung tâm Bằng Lăng và xã Đạ Rsal cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại V.

- Đến năm 2030: Đam Rông là huyện phát triển trung bình của tỉnh; thu nhập và đời sống của người dân bằng mức bình quân chung của tỉnh. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông nội huyện, Tỉnh lộ 722. Hoàn thành một số điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dọc Tỉnh lộ 722, 724 và khu vực Phi Liêng, Đạ K'Nàng.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Là huyện phát triển khá của tỉnh, tự cân đối được ngân sách; tỷ lệ đô thị hóa trên 40%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đạt mức khá cao.



## 2.2. Các chỉ tiêu cụ thể

### a. Giai đoạn 2021 - 2025:

- Tăng trưởng kinh tế đạt 10,5%/năm; tổng mức đầu tư toàn xã hội 9.123 tỷ đồng; thu ngân sách nhà nước tăng 15 - 16%/năm.

- Đến năm 2025, là huyện nông thôn mới; cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 45 - 47%; Công nghiệp - xây dựng 15 - 16%; Dịch vụ 38 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 6,5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2026. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%; 100% số xã, thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh 95%. Tỷ lệ độ che phủ rừng trên 65%. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng (*giao thông nông thôn, lưới điện, nước sạch, thông tin...*) theo chuẩn huyện nông thôn mới.

### b. Giai đoạn 2025 - 2030:

- Tăng trưởng kinh tế 11 - 12%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng từ 16 - 17%. Tổng mức đầu tư toàn xã hội tăng 10 - 12%/năm.

- Đến năm 2030, là huyện phát triển trung bình của tỉnh. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 39,4%; Công nghiệp - xây dựng 17,2%; Dịch vụ 43,4%. Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%. Tỷ lệ đô thị hóa 31%; duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng trên 65%. Tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh 98%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 40%.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Tập trung mọi nguồn lực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội; giảm nghèo nhanh và bền vững; hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới**

### 1.1. Phát triển kinh tế - xã hội

- Xây dựng trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025<sup>1</sup>, gắn với quy hoạch vùng huyện Đam Rông đến năm 2045. Phát triển nông nghiệp theo hướng: Bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất. Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng các cây trồng chủ lực, gắn với tăng tỷ trọng chăn nuôi; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại gắn với hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Hình thành các khu chăn nuôi tập trung (*tại khu vực 03 xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long; khu vực Phi Liêng, Đạ K'Nàng*).

- Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả và đẩy mạnh công tác chuyển đổi các diện tích canh tác hiệu quả thấp (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm*) sang các loại cây trồng có hiệu quả cao hơn hoặc chăn nuôi thủy sản phù hợp với

<sup>1)</sup> a. Tiểu vùng 1: Xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng, chuyển đổi và thâm canh cây cà phê ổn định diện tích 3.500 ha, năng suất trung bình trên 4,5 tấn/ha; phát triển diện tích trồng rau, hoa thương phẩm 700 ha ứng dụng công nghệ cao, diện tích trồng mắc ca xen trong vườn cà phê trên 1.000 ha, chuối la ba trên 300 ha, diện tích dâu tằm 200 ha và chăn nuôi bò thịt cao sản. Phấn đấu diện tích ứng dụng công nghệ cao từ 1.000-1.200 ha.

b. Tiểu vùng 2: Xã Đạ Rsal, Rô Men và Liêng Srônh, thâm canh ổn định diện tích cà phê 4.000 ha, năng suất trên 4 tấn/ha; phát triển trồng cây ăn trái (sầu riêng, bơ, bưởi da xanh) xen vườn cà phê diện tích trên 1.500 ha, diện tích dâu tằm 300 ha, thủy sản (nuôi cá nước lạnh đạt 20 ha). Diện tích ứng dụng công nghệ cao đạt 500 - 700 ha.

c. Tiểu vùng 3: Xã Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long, thâm canh diện tích lúa 840 ha (xây dựng trên 150 ha sản xuất lúa chất lượng cao), năng suất trung bình phấn đấu đạt trên 60 tạ/ha; phát triển diện tích trồng dâu tằm trên 300 ha (trong đó diện tích trồng dâu nuôi tằm ứng dụng công nghệ cao đạt 50 - 60 ha), ổn định diện tích cà phê 1.000 ha, năng suất trên 2,5 tấn/ha; phát triển đàn gia súc (bò lai Sind, heo đen), thủy sản (nuôi cá nước lạnh đạt 30 ha).

điều kiện từng vùng và trình độ canh tác của người dân. Mở rộng liên kết giữa các hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tạo chuỗi giá trị gắn kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ; xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp địa phương.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Phi Liêng và Đa K'Nàng, gắn với phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện. Phấn đấu đến năm 2025, có 8 - 10% diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đến năm 2030, đạt 12 - 14%; đến năm 2040, đạt trên 30%.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện địa phương. Ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản từ nguồn nguyên liệu tại chỗ địa phương có tiềm năng, thế mạnh, như: Cà phê, cây ăn trái, dâu tằm, dược liệu, lâm sản, vật liệu xây dựng; các ngành tiểu thủ công nghiệp, như: Mây tre đan, dệt thổ cẩm.

- Năm 2023, xây dựng Đề án phát triển du lịch huyện Đam Rông trở thành điểm trung chuyển, kết nối tuyến du lịch Đà Lạt - Tây Nguyên, tuyến du lịch sinh thái, du lịch văn hóa các dân tộc tại chỗ (*đọc Tỉnh lộ 722, 724: Đà Lạt - Lạc Dương - Đam Rông*). Kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, các cơ sở lưu trú và dịch vụ phục vụ du lịch tại Suối nước nóng (*xã Đa Tông, xã Đa Long*), Suối Tiên Tang (*xã Đa M'Rông*), Thác 7 tầng (*xã Phi Liêng*), khu vực trung tâm huyện. Tăng cường liên kết vùng để phát triển mạnh ngành du lịch, trung tâm thương mại, năng lượng.

- Thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình, kết luận của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển văn hóa; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn, đi đôi với việc vận động xóa bỏ các hủ tục, tập tục lạc hậu. Tập trung xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*". Chú trọng quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ huyện đến thôn, buôn, tổ dân phố đáp ứng các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; phát triển mạnh các phong trào thể thao quần chúng.

- Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, từng bước nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Đến năm 2025, hoàn thành cơ sở vật chất trường, lớp học và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo chuẩn.

- Xây dựng và nâng cao năng lực thu dung, điều trị của Trung tâm Y tế huyện; đầu tư, nâng cao năng lực Trạm y tế tuyến xã trong công tác khám chữa bệnh ban đầu; thu dung điều trị khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn và thực hiện khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh.

## **1.2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững**

- Xây dựng kế hoạch, xác định lộ trình cụ thể từng năm cho từng xã theo phương châm "*dễ làm trước, khó làm sau*". Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, huy động sức dân hợp lý trong xây dựng nông thôn mới; tập trung mọi nguồn lực hỗ trợ, hoàn thành các tiêu chí chưa đạt, nhất là về thu nhập, hộ nghèo

và nhà ở dân cư; quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (*chi tiết tại phụ lục I*). Xây dựng, ban hành Đề án hỗ trợ xây dựng nông thôn mới huyện Đam Rông trong năm 2022.

- Hoàn thiện xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông nông thôn, lưới điện, hệ thống các hồ thủy lợi, hệ thống kênh mương nội đồng,...đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới vào năm 2025 (*chi tiết tại phụ lục II*).

- Triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu tại các xã Phi Liêng, Rô Men và Đạ Rsal,...

- Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ giảm nghèo bền vững, thực chất và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để tạo sinh kế, đầu tư sản xuất giúp người dân chủ động vươn lên thoát nghèo và làm giàu; dạy nghề theo yêu cầu sản xuất, chú trọng một số ngành, nghề phù hợp với trình độ người dân, gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 2 - 2,3%/năm, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 6,5% theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2026. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%.

- Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, hộ khó khăn chưa có nhà ở kiên cố.

## **2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

- Thực hiện đầu tư đồng bộ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm giải quyết vấn đề bức thiết; đến năm 2025, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, nước sinh hoạt; phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế bền vững; chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em; sắp xếp, bố trí ổn định dân di cư tự do nhằm đảm bảo đầy đủ các điều kiện ổn định sản xuất, đời sống lâu dài, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số với các vùng khác.

- Hoàn thành đầu tư kết cấu hạ tầng tại các xã, khu vực khó khăn. Nhân rộng, chuyển giao các mô hình sản xuất hiệu quả, phát động phong trào học hỏi, thi đua trong sản xuất, nhất là tại các xã: Đạ Long, Đạ Tông, Đạ M'Rông và Liêng Srônh.

- Đến năm 2025, hoàn thành bố trí ổn định dân di cư tại khu căn cứ Đạ M'Pô, tiểu khu 179, tiểu khu 181 và Tây Sơn, xã Liêng Srônh.

- Thực hiện nhất quán chính sách hỗ trợ có điều kiện, từng bước giảm dần và chấm dứt chính sách hỗ trợ cho không, tăng việc hỗ trợ có hoàn trả, có điều kiện, gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận cơ chế, chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, như: Chính sách hỗ trợ làm nhà ở, hỗ trợ sản xuất, tạo sinh kế, chính sách cho vay vốn,...

- Tuyên truyền, vận động người dân quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có để phát triển sản xuất. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong mọi tình huống; không để việc lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Gắn công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, với khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống và hoạt động du lịch; lựa chọn từ 01 - 02 mô hình làng nghề, buôn truyền thống để phục dựng không gian văn hóa truyền thống (*kiến trúc, nhà ở, trang phục, ẩm thực,...*), văn hóa phi vật thể (*phong tục, tập quán, lễ hội, các làn điệu dân ca, dân vũ,...*) đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch.

- Phát huy vai trò hệ thống chính trị, nòng cốt là Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cấp ủy, chính quyền cơ sở tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức làm thay đổi tư duy, thói quen canh tác, tích cực lao động, tiết kiệm trong sinh hoạt, mạnh dạn bỏ vốn đầu tư, vươn lên thoát nghèo và làm giàu của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

### **3. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp giữ rừng, phát triển rừng, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản**

- Phát triển các mô hình kinh tế lâm nghiệp theo hướng lựa chọn các loài cây trồng phù hợp (*cây đa mục đích, dược liệu*) vừa có giá trị kinh tế và tăng tỷ lệ che phủ rừng. Đồng thời, hướng đến khai thác hiệu quả giá trị môi trường rừng thông qua việc chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái. Quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên với bảo vệ rừng, khai thác tốt nguồn vốn từ giá trị quyền sử dụng đất, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên sẵn có phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm đội ngũ cán bộ ngành lâm nghiệp và của hệ thống chính trị ở cơ sở, cùng nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; kiên quyết thay thế cán bộ thiếu trách nhiệm, thiếu nhiệt huyết, tiếp tay, bao che trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Xử lý nghiêm minh, đúng quy định pháp luật đối với các hành vi vi phạm, xâm phạm rừng, đất rừng trái phép. Phần đầu, hàng năm giảm từ 10 - 15% trở lên số vụ phá rừng và giảm từ 15 - 20% trở lên về diện tích rừng, khối lượng lâm sản bị thiệt hại; trong đó: Năm 2021, trên 70% số vụ phá rừng phải xác định, lập hồ sơ xử lý được đối tượng vi phạm; từ năm 2022 - 2025, mỗi năm tăng thêm từ 2 - 2,5%.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi khai thác khoáng sản trái pháp luật.

### **4. Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch; hoàn thiện hạ tầng đô thị và các tuyến giao thông đối ngoại trọng yếu**

- Quản lý và triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện Đam Rông đến năm 2040, phù hợp với quy hoạch tổng thể tỉnh Lâm Đồng; phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế và đặc thù riêng có của huyện Đam Rông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Nghiên cứu, phát triển không gian đô thị phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Lâm Đồng đến năm 2045; hình thành các đô thị, trạm dừng chân theo trục dọc Quốc lộ 27, gồm: Trung tâm Bằng Lãng, Phi Liêng và Đạ Rsal. Đến năm 2025, hoàn thành hệ thống hạ tầng khu Trung tâm Bằng Lãng và xã Đạ Rsal, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V và đến 2035, đạt chuẩn đô thị loại IV.

- Đến năm 2025, hoàn thành đầu tư nâng cấp đường Tỉnh lộ 722 - Trường

Sơn Đông, kết nối huyện Đam Rông - Lạc Dương - Đà Lạt. Đến năm 2030, hoàn thành đầu tư Tỉnh lộ 722, 724 theo chuẩn; đồng thời với việc đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 và cao tốc Liên Khương - Buôn Mê Thuật qua địa bàn huyện Đam Rông (theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

### **5. Xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù**

Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện, gồm: Cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư; quy hoạch, lập các dự án khai thác quỹ đất; sử dụng nguồn thu từ khai thác quỹ đất để đầu tư kết cấu hạ tầng, an sinh xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm (Chi tiết tại phụ lục III, IV, V).

### **6. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh; trong đó, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân là yếu tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm ổn định quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội; xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

- Thường xuyên quan tâm và chủ động, xử lý phù hợp các vụ việc về an ninh, trật tự từ khi phát sinh, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; không để xảy ra tình huống phức tạp “điểm nóng”, không để bị động, bất ngờ; xây dựng thực lực chính trị cơ sở vững mạnh trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, an ninh dân tộc, tôn giáo.

7. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách an sinh - xã hội phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính bền vững, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội phát triển. Ưu tiên thực hiện tốt chính sách người có công trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, người khuyết tật; quan tâm, hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

### **8. Chăm lo xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc**

- Quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng; đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí

Minh, gắn với các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất; xây dựng tổ chức cơ sở đảng có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao; xây dựng đội ngũ đảng viên đủ về cơ cấu số lượng, đảm bảo về chất lượng, tiêu chuẩn.

- Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, năng động, quyết tâm, quyết liệt trong quản lý, điều hành; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý năng động, tâm huyết, trách nhiệm cao, dám nghĩ và hành động vì lợi ích chung, gắn với đào tạo, đào tạo lại đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương. Quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở và bố trí phù hợp cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc vững mạnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và phù hợp với đặc điểm địa phương; phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, sự đồng thuận của xã hội thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển địa phương.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này và xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá trong phát triển của huyện Đam Rông.

- Chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, tạo điều kiện, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho huyện Đam Rông trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Huyện ủy Đam Rông lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, bằng các chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đam Rông,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, KT<sub>3</sub>.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Trần Đức Quận**

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CUỐI NĂM 2020  
VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên xã	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	Thực hiện đến cuối năm 2020	KH thực hiện năm 2021	KH thực hiện năm 2022	KH thực hiện năm 2023	KH thực hiện năm 2024	KH thực hiện năm 2025	
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa		Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hệ thống nghèo	LĐ có việc làm	Tổ chức SX	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	HT chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh							
1	Đạ R'Sal	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	Xã NTM	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xã đạt NTM kiểu mẫu	Xã NTM kiểu mẫu	Xã đạt NTM kiểu mẫu	Xã đạt NTM kiểu mẫu	
2	Rô Men	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	19	8 tiêu chí năng cao	9 tiêu chí năng cao	10 tiêu chí năng cao	11 tiêu chí năng cao	Xã đạt NTM Năng cao	
3	Đạ Tông	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	16	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí năng cao	5 tiêu chí năng cao	8 tiêu chí năng cao	3 tiêu chí năng cao	
4	Đạ Long	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	15	16	16	17	Xã đạt chuẩn NTM	2 tiêu chí năng cao	3 tiêu chí năng cao
5	Đạ M'Rông	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	15	17	18	Xã đạt chuẩn NTM	4 tiêu chí năng cao	4 tiêu chí năng cao	
6	Liêng SRông	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	—	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	16	17	17	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí năng cao	3 tiêu chí năng cao	
7	Phi Liêng	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	19	4 tiêu chí năng cao	8 tiêu chí năng cao	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xây dựng NTM kiểu mẫu	Xây dựng NTM kiểu mẫu	
8	Đạ K'Nang	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	đạt	18	Xã đạt chuẩn NTM	3 tiêu chí năng cao	7 tiêu chí năng cao	10 tiêu chí năng cao	Xã đạt chuẩn NTM năng cao	

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt				
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt					
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Đạt			Đạt	
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt			Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt				
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt					
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt			Đạt	Đạt	
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	1/4 trường (đạt 25%)		2/4 trường (đạt 50%)	3/4 trường (đạt 75%)	
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.	Đạt				Đạt	
		7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt			Đạt		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện				
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
7	Môi trường	7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%				Đạt	
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt				
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt				
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt				

Ghi chú: Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Hiện nay, huyện có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Đa R'Sal, Rô Men, Phi Liêng) ; giai đoạn 2021 - 2024 các xã còn lại của huyện sẽ đạt chuẩn nông thôn mới (cuối năm 2021 xã Đa K'Nàng; năm 2022 xã Đa Tông; năm 2023 xã Đa M'Rông, năm 2024 xã Liêng Srônh và Đa Long) .

**PHỤ LỤC 3**  
**CƠ CHẾ ĐÁU GIÁ ĐẤT TẠO VỐN ĐẦU TƯ HẠ TÀNG**  
*(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Stt	Tên đề án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Dự kiến đơn giá khởi điểm để đấu giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>42,104.0</b>		<b>58,201,175,000</b>	
1	Đất trụ sở Trung tâm Nông nghiệp	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,748.0	5,150,000	14,152,200,000	Văn bản số 8559/UBND-ĐC ngày 06/12/2007 của UBND tỉnh
2	Đất Trại Y tế xã Phi Liêng cũ	Thôn Trung tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,840.0	2,352,000	6,679,680,000	Thửa đất số 61 - Tờ Bản đồ số 11
3	Đất Trường MN Đạ Rsal - Điểm trường Phi Có	Thôn Phi có, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2,113.0	580,000	1,225,540,000	Giấy CNQSDĐ số CT00211
4	Đất Trường MN Đạ M'Rông - Điểm trường Liêng K'rác 1	Thôn Liêng K'rác 1, xã Đạ M'Rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	1,078.0	700,000	754,600,000	Sổ đỏ
5	Trường TH Lăng Tô - Điểm trường Pul	Thôn Pul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	9,900.0	990,000	9,801,000,000	QĐ số 3251/QĐ-UBND
6	Trường TH Đạ K'Nàng - Điểm trường Chính	Thôn Đạ K'Nàng, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3,990.0	1,800,000	7,182,000,000	Giấy CNQSDĐ số P 804425
7	Trường MN Bằng Lăng	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	3,567.0	3,225,000	11,503,575,000	QĐ số 3337/QĐ-UBND ngày 31/12/2009; QĐ số 2202/QĐ-UBND ngày 01/11/2013
8	Đất đã Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng	Thôn Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	15,868.0	435,000	6,902,580,000	

**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC**  
*(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Vốn đã bố trí (Triệu đồng)		Ghi chú
				Tổng số	Năm 2021	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1,361,979</b>			
<b>I</b>	<b>Đang triển khai năm 2021</b>		<b>494,519</b>	<b>115,122</b>	<b>12,300</b>	
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	127 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	84,340	68,552	3,300	Hoàn thành năm 2022
2	DA xây dựng hồ Thủy lợi Đập Bằng Lăng, xã Rô Men	DT tưới 300ha (KV 02 xã Liêng Srônh và Rô Men)	56,000	23,570	6,000	Hoàn thành năm 2022
3	Đường từ Trung tâm huyện đi quốc lộ 27	850m đường + cầu BTCT vĩnh cửu dài 82m	105,895	2,000	2,000	
4	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực Tây Sơn, TK 179 xã Liêng Srônh	192 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	159,784	20,000		
5	Xây dựng đường nội thị Bằng Lăng	3,74km - BTN C19 dày 7cm	88,500	1,000	1,000	
<b>II</b>	<b>Trong giai đoạn năm 2021-2025</b>		<b>867,460</b>			
1	Nâng cấp hồ Đạ Ri Ông, xã Rô Men	DT tưới 178ha	45,000			
2	Xây dựng hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng	DT tưới 200ha	31,400			
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	DTXD 2.264m <sup>2</sup> ; DTS 2.694m <sup>2</sup>	40,000			
4	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ (750 hộ xã Liêng Srônh + 700 hộ xã Rô Men)	20,000			
5	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Năm, Păng Pé Dong, xã Đạ Rsal	600 hộ	19,000			
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Đạ Mul, Đạ K'Nàng, Păng Dung, Păng Pá, xã Đạ K'Nàng	900 hộ	22,000			
7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ	18,000			
8	Xây dựng Trường TH Đạ K'Nàng	03 khối 24 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.728m <sup>2</sup> ; DT sân: 3.350m <sup>2</sup>	54,500			

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Vốn đã bố trí (Triệu đồng)		Ghi chú
				Tổng số	Năm 2021	
9	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	105 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	90,000			
10	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do 179 xã Liêng Srônh	17,8km - BTXM dày 20cm	99,000			
11	Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đa Ninh 1 + 2, xã Đa Tổng	435m + 2 cầu BTCT	34,410			
12	Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đa M'Pô, xã Liêng Srônh	13km - BTXM dày 22cm	95,000			
13	Xây dựng Trường MN Bằng Lăng	4 khối 16 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.579m <sup>2</sup> ; DT sân: 2.551m <sup>2</sup> .	35,000			
14	Gia cố bờ sông Đa Tể, xã Đa M'Rông (Giai đoạn 2)	1km	24,200			
15	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do Tây Sơn xã Phi Liêng	10km	75,000			
16	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	5km	30,000			
17	Xây dựng kè sạt lở và nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đa Rsal - Đa M'Rông	13,1km nâng cấp, mở rộng đường và 2,5 km kè sạt lở	85,000			
18	Kè sạt lở đường vào khu quy hoạch Đa M'Pô, xã Liêng Srônh	1km	35,000			
19	Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tô, xã Đa K'Nàng	4,5km	14,950			

**PHỤ LỤC 5**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
*(kèm theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (ha)	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1,751,295</b>	
1	Xây dựng, quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông	Khu trung tâm hành chính chính Bảng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	1.56	Dự án sẽ là trung tâm mua bán, trao đổi hàng hoá hiện đại, đạt tiêu chuẩn và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy hoạch chung của khu trung tâm hành chính Bảng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương	232,085	
2	Trạm dừng chân và khu dân cư Bảng Lãng, huyện Đam Rông	Thôn 4, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	8.94	Dự án đầu tư nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Đam Rông, trong đó có công tác quy hoạch xây dựng đô thị, hướng đến cải thiện không gian của xã Liêng Srônh khang trang, hiện đại hơn, phù hợp với quy hoạch phát triển của huyện Đam Rông nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung	279,210	
3	Bến xe trung tâm huyện Đam Rông	Khu trung tâm hành chính chính Bảng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	2.1	Nhằm phục vụ nhu cầu vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương	100,000	
4	Dự án Khu dân cư Đông Nam (khu B)	Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	5,0	Các dự án xây dựng khu dân cư nhằm mục tiêu giúp các xã phần đầu sớm đạt các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao qua đó góp phần đưa huyện Đam Rông đến năm 2025 là huyện nông thôn mới theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Mặt khác, việc quy hoạch mở rộng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là xây dựng các khu dân cư là hết sức cần thiết, vừa chỉnh trang phát triển cơ sở hạ tầng, vừa tận dụng khai thác, tránh làm lãng phí quỹ đất chưa được quy hoạch sử dụng đúng thời	50,000	
5	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Phi Liêng	Thôn Trung Tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	26,0		300,000	
6	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đa Tông	Khu vực trung tâm xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	8.06		80,000	
7	Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tin dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bảng Lãng	Khu trung tâm hành chính chính Bảng Lãng, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	0,41	Đáp ứng nhu cầu kinh doanh mua bán hàng hoá, tín dụng ngân hàng và vui chơi giải trí	100,000	

8	Khu du lịch sinh thái thác Bảy Tầng	Xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	36,4	Phục vụ nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng	100,000	
9	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	Xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	5,3	Xử lý rác thải	60,000	
10	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Bằng Lũng	Khu vực trung tâm hành chính huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	6,5	Các dự án xây dựng khu dân cư nhằm mục tiêu giúp các xã phần đầu sớm đạt các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao qua đó góp phần đưa huyện Đam Rông đến năm 2025 là huyện nông thôn mới theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Một khác, việc quy hoạch mở rộng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là xây dựng các khu dân cư là hết sức cần thiết, vừa chỉnh trang phát triển cơ sở	65,000	
11	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đạ Rsal	Thôn Tân Tiến, xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	36,5		385,000	

## **ĐỀ CƯƠNG**

### **Tuyên truyền kết quả kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV**

-----

## **I. BỐI CẢNH, NỘI DUNG CỦA KỲ HỌP**

### **1. Bối cảnh**

Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV diễn ra trong 16 ngày, kỳ họp chia thành hai đợt, kết hợp họp trực tuyến và tập trung. Đây là kỳ họp diễn ra trong bối cảnh dịch Covid -19 ở nước ta cơ bản được kiểm soát, các địa phương đang từng bước triển khai thích ứng an toàn, linh hoạt, có hiệu quả phòng, chống dịch Covid -19, tập trung khôi phục phát triển kinh tế - xã hội, tạo xung lực mới, khí thế mới cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Kỳ họp tiếp tục thực hiện đổi mới, rút ngắn thời gian họp so với các kỳ họp cuối năm của Quốc hội nhưng bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng quy định.

### **2. Nội dung của kỳ họp**

Kỳ họp này, Quốc hội đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra và thành công tốt đẹp; Quốc hội đã biểu quyết và thông qua 02 luật, 12 nghị quyết; cho ý kiến về 05 dự án luật; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn. Quốc hội đã nghe báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; xem xét nhiều báo cáo quan trọng về công tác phòng, chống dịch Covid -19 và việc thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 của Quốc hội; tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội; việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế năm 2020 và việc thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân trong 02 năm 2019-2020; công tác tư pháp, công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, thi hành án, phòng, chống tham nhũng năm 2021.

## **II. KẾT QUẢ CỦA KỲ HỌP**

### **1. Công tác lập pháp (các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua)**

**1.1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục-Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê** được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, cung cấp thông tin phục vụ Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương trong hoạch định chính sách và điều hành nền kinh tế, tháo gỡ được nhiều khó khăn, vướng mắc hiện nay, đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực. Luật sửa đổi, bổ sung 02 điều có tính cấp thiết, rất căn bản, quan trọng của Luật Thống kê hiện hành (Điều 17 và Điều 48), trong đó quy định rõ hơn về việc nâng cao vai trò trách nhiệm xây dựng quy trình biên soạn tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP của cơ quan thống kê Trung ương, thẩm quyền của Chính phủ, Quốc hội trong việc xem xét, quyết định việc đánh giá lại quy mô GDP; công khai, minh bạch phương pháp tính, nguồn số liệu, công bố thông tin thống kê; đồng thời, sửa đổi, bổ

sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê từ 186 chỉ tiêu thành 230 chỉ tiêu.

**1.2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự** được ban hành nhằm bảo đảm đúng lộ trình thực hiện cam kết của Việt Nam trong Hiệp định CPTPP và yêu cầu theo Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội; đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nói riêng và phù hợp với tình hình thực tiễn trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng nói chung. Luật sửa đổi, bổ sung 06 điều của Bộ luật Tố tụng hình sự và 01 điều của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự. Theo đó, cho phép cơ quan có thẩm quyền có thể khởi tố vụ án hình sự về hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp mà không cần phải có yêu cầu của người bị hại; bổ sung trách nhiệm tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm cho Công an xã (như đối với Công an phường, thị trấn, Đồn Công an); bổ sung căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án “Vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh”.

**1.3. Các Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế** được ban hành bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, tạo điều kiện để các địa phương này thu hút nguồn lực đầu tư, tăng tính “đột phá” về cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, tạo sự lan tỏa vùng, miền, tạo tiền đề để áp dụng cho các địa phương khác. Trong đó, quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với từng địa phương trong việc quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; phí tham quan di tích, thành lập Quỹ bảo tồn di sản Huế; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, lâm nghiệp; giải quyết vấn đề thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện và tình hình phát triển kinh tế - xã hội,...

**1.4. Nghị quyết về tổ chức phiên tòa trực tuyến** được ban hành để vừa đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh COVID -19, vừa bảo đảm thời hạn xét xử do luật định; phù hợp với quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Tòa án nhân dân; là một bước cụ thể hóa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác xét xử, hướng tới xây dựng Tòa án điện tử ở nước ta; phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế về tư pháp. Nghị quyết gồm 03 điều, trong đó quy định Tòa án nhân dân được tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm các vụ án có tình tiết, tính chất đơn giản; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng, trừ những vụ án có liên quan đến bí mật nhà nước, các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Để bảo vệ quyền con người của bị cáo, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Nghị quyết đã quy định những nguyên tắc chung về tổ chức phiên tòa trực tuyến bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, an ninh, an toàn thông tin mạng, các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và sự tôn nghiêm của phiên tòa. Đồng thời, giao Tòa án nhân dân tối



cao theo thẩm quyền ban hành hoặc chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành việc tổ chức phiên tòa trực tuyến.

## 2. Các dự án luật được Quốc hội cho ý kiến

**2.1. Dự án Luật Cảnh sát cơ động** được xây dựng để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức, hoạt động của lực lượng Cảnh sát cơ động cho phù hợp với tính chất đặc thù, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Quốc hội tập trung thảo luận về: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động cũng như việc sử dụng, trang bị vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động; hệ thống tổ chức; xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động; quyền huy động người, phương tiện, thiết bị của Cảnh sát cơ động; hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động; phối hợp của Cảnh sát cơ động với cơ quan, tổ chức, lực lượng có liên quan; các hành vi bị nghiêm cấm; nghĩa vụ, trách nhiệm, chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; việc tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động,...

**2.2. Dự án Luật Điện ảnh (sửa đổi)** được xây dựng với mục đích cụ thể hóa nội dung về quyền con người, quyền công dân, quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa quy định trong Hiến pháp 2013; bổ sung điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số trong hoạt động điện ảnh; tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thúc đẩy ngành điện ảnh phát triển vừa là ngành nghệ thuật sáng tạo, vừa là ngành kinh tế. Trong đó, những nội dung cơ bản đã được Quốc hội tập trung thảo luận là: việc sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước; phổ biến phim trên không gian mạng; về quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh; những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh; Hội đồng thẩm định và phân loại phim, mức phân loại phim,...

**2.3. Dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)** được xây dựng nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; kiến tạo, phát triển thị trường bảo hiểm an toàn, minh bạch, bền vững, hiệu quả, tiệm cận với các thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh và cùng với thị trường tiền tệ - tín dụng và thị trường chứng khoán trở thành các kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế. Theo đó, Quốc hội đã tập trung thảo luận những nội dung cơ bản về: đối tượng áp dụng; hợp đồng bảo hiểm; mô hình tổ chức, ứng dụng công nghệ thông tin, công khai thông tin, các biện pháp can thiệp, điều kiện thành lập, hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; bảo hiểm vi mô; đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; quản lý tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm,...

**2.4. Dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)** được xây dựng nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế. Với mục tiêu đó, Quốc hội đã tập trung cho ý kiến để

hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; các hình thức khen thưởng; chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng,...

**2.5. Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ** được xây dựng nhằm thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ, khắc phục những bất cập của Luật hiện hành; tiếp tục nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan đã được Quốc hội ban hành thời gian qua. Quốc hội đã tập trung thảo luận về: quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, các đại biểu Quốc hội cũng đã tham gia góp ý nhiều vấn đề cụ thể về: sở hữu công nghiệp; quyền tác giả, quyền liên quan; giống cây trồng; xác lập, thực thi và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ,...

### **3. Xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và quyết định các vấn đề quan trọng**

Sau khi xem xét các báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2021, dự kiến kế hoạch năm 2022, Quốc hội thống nhất cho rằng, năm 2021 nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt thiên tai lũ lụt và sự bùng phát mạnh mẽ của dịch COVID-19 lần thứ tư đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước. Song với sự vào cuộc kịp thời của cả hệ thống chính trị, sự cố gắng, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân đã ủng hộ, chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách, khắc phục khó khăn, nỗ lực vượt qua thách thức, chủ động, linh hoạt, vừa tập trung phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu đạt ở mức cao nhất các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021. Quốc hội đã biểu quyết thông qua các nghị quyết sau:

**3.1. Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022:** Quốc hội đã quyết định mục tiêu tổng quát, 15 chỉ tiêu chủ yếu và 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, gồm: Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tăng cường chất lượng, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển kinh tế số, xã hội số. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch. Gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; phát huy

giá trị văn hoá, con người Việt Nam; chú trọng thực hiện chính sách đối với người có công, với các đối tượng bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao năng lực hệ thống y tế. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

**3.2. Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022:** Quốc hội quyết định tổng số thu ngân sách nhà nước là 1.411.700 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách nhà nước là 1.784.600 tỷ đồng; mức bội chi ngân sách nhà nước là 372.900 tỷ đồng (tương đương 3,7% GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 572.686 tỷ đồng. Lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương; ưu tiên điều chỉnh lương hưu cho người nghỉ hưu trước năm 1995. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương nhằm thực hiện cải cách chính sách tiền lương vào thời điểm phù hợp. Đồng thời, giao Chính phủ tăng cường chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công tác phòng, chống dịch, bố trí đủ nguồn lực thực hiện. Khẩn trương xây dựng phương án bố trí nguồn lực để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

**3.3. Nghị quyết về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022:** Quốc hội đã quyết định tổng số thu ngân sách trung ương là 739.132 tỷ đồng; tổng số thu ngân sách địa phương là 672.568 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách trung ương là 1.087.032 tỷ đồng, trong đó dự toán 359.982 tỷ đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Tại Nghị quyết này, Quốc hội cũng đã quyết định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối cho ngân sách địa phương được áp dụng riêng cho năm 2022; căn cứ tình hình thực tế, năm 2023 sẽ quy định lại cho phù hợp.

**3.4. Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025,** trong đó xác định rõ quan điểm cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở kế thừa và phát triển; lấy hoàn thiện thể chế, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm tiền đề, lấy cơ cấu lại không gian kinh tế, phát triển đô thị và kinh tế đô thị, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và vai trò dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn làm nhiệm vụ trọng tâm; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ và phục hồi môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển rừng, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh. Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 phải gắn với Chương trình tổng thể phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thực chất,

hiệu quả hơn, củng cố nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an toàn tài chính và an toàn tiền tệ quốc gia.

Quốc hội quyết định một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025 cần đạt được và đề ra 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong việc cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, đồng thời yêu cầu Chính phủ xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, hoàn thành trước tháng 4/2022, báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết này hằng năm; giữa nhiệm kỳ và cả nhiệm kỳ.

**3.5. Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025.** Quốc hội nhấn mạnh quy hoạch sử dụng đất không chỉ nhằm tạo nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại mà phải kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị để phát triển đất nước. Bảo đảm chỉ tiêu đất trồng lúa phù hợp với Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; tuy nhiên cũng cho phép linh hoạt sử dụng tối đa 300 nghìn ha đất trồng lúa chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhưng phải bảo đảm không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa, có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết; hạn chế việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất khu công nghiệp,...

Quốc hội cũng đề ra các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng về chính sách, khoa học và công nghệ, về nguồn lực, ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi quỹ đất bị suy thoái, kiểm tra, giám sát, về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức để thực hiện hiệu quả hơn Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025.

**3.6. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV,** trong đó đề nghị các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, gắn với việc tổ chức thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Đồng thời, yêu cầu Chính phủ hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế, khẩn trương trình Quốc hội dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi) đồng bộ với việc sửa đổi Luật Khám bệnh, chữa bệnh; giao chỉ tiêu tham gia bảo hiểm y tế cho các địa phương giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Quốc hội cũng yêu cầu Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục triển khai có hiệu quả nhằm đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 của Quốc hội; đẩy nhanh hơn nữa việc giải quyết các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận; xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp tồn đọng, kéo dài,...

#### **4. Giám sát tối cao**

**4.1. Quốc hội đã chất vấn Bộ trưởng các Bộ: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến các vấn đề về chiến lược phòng, chống dịch, vắc xin, quản lý giá xét nghiệm, thuốc chữa bệnh, trang thiết bị y tế, năng lực của hệ thống y tế cơ sở, đội ngũ cán bộ y tế; việc thực hiện các**

gói hỗ trợ, bảo đảm an sinh xã hội, giải pháp tháo gỡ những khó khăn của thị trường lao động, bảo vệ quyền trẻ em, công tác cứu trợ, thiện nguyện; bảo đảm chất lượng dạy và học, an toàn trường học, y tế học đường, tổ chức kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia; giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, việc phân bổ, giao kế hoạch và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, các dự án trọng điểm quốc gia, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đầu tư phát triển.

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam và các Bộ trưởng, Trưởng ngành khác đã tham gia trả lời, giải trình làm rõ thêm vấn đề chất vấn. Cuối phiên chất vấn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thay mặt Chính phủ báo cáo làm rõ những vấn đề thuộc trách nhiệm chung của Chính phủ và trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Kết quả phiên chất vấn cho thấy, các nhóm vấn đề được Quốc hội lựa chọn là xác đáng, phù hợp với thực tế, được nhiều đại biểu Quốc hội và cử tri quan tâm. Phiên chất vấn diễn ra trong không khí dân chủ, xây dựng, tranh luận sôi nổi. Các vị đại biểu Quốc hội thể hiện sự tâm huyết, tinh thần làm việc nghiêm túc, chất vấn ngắn gọn, bám sát nội dung, tham gia tranh luận với các thành viên Chính phủ để đi đến cùng vấn đề chất vấn.

Các thành viên Chính phủ đã nắm chắc tình hình, trả lời thẳng thắn, đưa ra nhiều giải pháp khắc phục, thể hiện rõ thái độ nghiêm túc, cầu thị; đồng thời, cam kết khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong điều hành, quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phụ trách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và quyết tâm tạo sự chuyển biến trong thời gian tới. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 2, yêu cầu Thủ tướng Chính phủ, các vị Bộ trưởng, Trưởng ngành thực hiện quyết liệt những cam kết về trách nhiệm đã hứa trước Quốc hội và cử tri cả nước, làm cơ sở để Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thực hiện, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân.

**4.2.** Sau khi xem xét báo cáo về công tác phòng, chống dịch COVID-19 và tình hình thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 của Quốc hội, Quốc hội đánh giá cao sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo, linh hoạt nhiều biện pháp để kiểm soát dịch bệnh, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, triển khai thực hiện hiệu quả trên phạm vi cả nước; kịp thời trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19; chủ động, khẩn trương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để đáp ứng yêu cầu cấp bách trong phòng, chống dịch bệnh.

Quốc hội đề nghị Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục chủ động bám sát tình hình thực tế, nâng cao năng lực trong dự báo, tăng cường các giải pháp, quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả hơn để vừa kiểm soát tốt dịch bệnh, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; khẩn trương ban hành Chiến lược tổng thể về phòng,

chống dịch, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện chiến lược ngoại giao vắc-xin, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc-xin trong nước; triển khai hiệu quả Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19; nghiên cứu ban hành hướng dẫn tiêm vắc xin cho trẻ em ở các độ tuổi trên cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho ngành y tế; rà soát, điều chỉnh các chính sách hỗ trợ lực lượng tham gia phòng, chống dịch; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung kịp thời các chính sách hỗ trợ lao động tự do, người dân có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội và sự công bằng trong thụ hưởng, không để sót, bỏ lọt đối tượng,...

**4.3. Quốc hội xem xét Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội năm 2020 và cho rằng,** công tác này về cơ bản đã hoàn thành được mục tiêu đề ra và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, một số chính sách, quy định về bảo hiểm xã hội chưa đi vào cuộc sống, việc phát triển lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp, còn tình trạng lạm dụng, trục lợi từ Quỹ bảo hiểm xã hội,... Quốc hội đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; thực hiện các giải pháp đồng bộ để duy trì và mở rộng đối tượng tham gia; đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp xử lý kết luận của thanh tra, kiểm tra; thực hiện quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm xã hội hiệu quả, tiếp tục sắp xếp lại bộ máy làm công tác bảo hiểm xã hội tinh gọn theo tinh thần của Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII,...

**4.4. Quốc hội đã xem xét Báo cáo về việc quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế năm 2020 và việc thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội trong 02 năm 2019-2020 và cho rằng,** việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm y tế năm 2020 về cơ bản thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và các quy định liên quan. Công tác kiểm soát thu, chi bảo hiểm y tế được tăng cường, đã giải quyết được nhiều trường hợp treo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, một số tồn tại từ nhiều năm trước của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm y tế và khám, chữa bệnh chưa được giải quyết, tỷ lệ chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ở các tuyến vẫn còn mất cân đối, có nơi còn chưa thống nhất giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám, chữa bệnh trong việc thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh từ Quỹ bảo hiểm y tế. Quốc hội đề nghị Chính phủ sớm nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế theo thẩm quyền; khẩn trương nghiên cứu, rà soát để đề xuất sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế, Luật Khám bệnh, chữa bệnh để kịp thời khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật; chỉ đạo các bộ, ngành địa phương thực hiện các giải pháp đồng bộ để duy trì và mở rộng đối tượng tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thanh quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; thực hiện quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm y tế hiệu quả; tổng kết toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 trình Quốc hội xem xét, ban hành nghị quyết mời nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;...



**4.5.** Quốc hội đã xem xét các báo cáo về công tác tư pháp, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, thi hành án, phòng, chống tham nhũng năm 2021 và cho rằng, mặc dù tình hình trong nước và thế giới bị ảnh hưởng lớn do đại dịch COVID-19, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chủ động tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nên công tác tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, Quốc hội cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, bất cập của từng cơ quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã đưa ra nhiều kiến nghị, giải pháp thiết thực nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

**4.6.** Về Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; Báo cáo kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Quốc hội năm 2021.

Quốc hội cho rằng, ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân cả nước đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kịp thời tổng hợp đầy đủ gửi đến Quốc hội.

Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV của các đại biểu Quốc hội, đã có 807 kiến nghị được tổng hợp chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trong kỳ báo cáo, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn ĐBQH đã tiếp 4.331 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về 3.350 vụ việc; 189 đoàn đông người; nhận được tổng số 33.061 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; trong đó có 18.118 đơn thuộc lĩnh vực hành chính, 14.943 đơn thuộc lĩnh vực tư pháp. Qua phân loại, có 10.291 đơn đủ điều kiện xử lý; 22.770 đơn không đủ điều kiện xử lý.


Công tác giải quyết kiến nghị cử tri đã được các bộ, ngành tập trung nghiên cứu giải quyết, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, góp phần ổn định sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống của Nhân dân; nhiều nguyện vọng chính đáng của cử tri đã được tiếp thu, nghiên cứu xử lý và trả lời thấu đáo. Tuy nhiên vẫn còn một số ít văn bản trả lời chưa đủ thông tin, chưa đúng nội dung cử tri kiến nghị... Quốc hội yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng tổng hợp kiến nghị cử tri; giải quyết dứt điểm những tồn tại hạn chế đã nêu trong báo cáo; rà soát, giải quyết dứt điểm các kiến nghị đang trong quá trình giải quyết, hạn chế tối đa việc chuyển kiến nghị chưa được giải quyết sang nhiệm kỳ sau,...

### **III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN**

**1.** Tuyên truyền nêu bật thành công của kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV, khẳng định kết quả kỳ họp là bước tiến quan trọng để xây dựng Quốc hội “Chủ động, trí tuệ, đoàn kết, đổi mới và trách nhiệm”; làm rõ tinh thần khấn trương, bám sát

thực tiễn, dân chủ và trách nhiệm cao của Quốc hội và đại biểu Quốc hội đã thảo luận, xem xét, thông qua và cho ý kiến các dự án luật, nghị quyết,... kịp thời giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt và quyết định những vấn đề quan trọng có tầm chiến lược, dài hạn, như: công tác phòng, chống dịch Covid - 19, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng từ dịch bệnh, bảo đảm chính sách an sinh xã hội; đồng thời phân tích chỉ ra những khó khăn, thách thức công tác phòng, chống dịch, tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm và cả năm 2022; dự báo, đề xuất nhiều giải pháp thiết thực, như cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm, phòng, chống lãng phí, quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực,...

2. Tập trung tuyên truyền Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế và thành phố Hải Phòng; quyết định Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025,... góp phần cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đồng thời khơi dậy mọi tiềm năng, nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

3. Cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nỗ lực, vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung thực hiện có hiệu quả mục tiêu phòng, chống dịch Covid - 19, thích ứng an toàn, linh hoạt, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế của thế giới hiện nay; tuyên truyền Nghị quyết số 128/NQ - CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về *Ban hành quy định tạm thời "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid -19"* và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, an sinh xã hội, đồng thời biểu dương các doanh nghiệp, tổ chức chủ động tháo gỡ khó khăn, thích ứng an toàn trong sản xuất, kinh doanh, bảo đảm phòng, chống dịch Covid -19 hiệu quả. 

## **BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG – VĂN PHÒNG QUỐC HỘI**





## TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

\*

Số 1050 - CV/TU

Về việc triển khai Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” năm 2022

## ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 11 năm 2021

*Kính gửi:* - Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,  
- Đảng đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,  
- Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ tỉnh,  
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc.

Nhằm phối hợp triển khai Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Nhâm Dần - năm 2022 có hiệu quả và thiết thực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo tinh thần Công văn số 261-CV/ĐĐHCTĐ, ngày 16/11/2021 của Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Thường trực Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Nhâm Dần - năm 2022 tại địa phương, đơn vị nhằm hỗ trợ kịp thời người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Quan tâm, động viên, tạo điều kiện và cùng với Hội Chữ thập đỏ cùng cấp triển khai thực hiện Phong trào có hiệu quả, thiết thực; động viên, khích lệ các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia hưởng ứng Phong trào.

2. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cùng cấp triển khai Phong trào đảm bảo đồng bộ, thống nhất, không để chồng chéo, trùng lặp trong vận động nguồn lực và trao tặng quà Tết; không bỏ sót các đối tượng là người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; động viên các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tham gia ủng hộ nguồn lực và đồng hành với Hội Chữ thập đỏ các cấp trong thực hiện Phong trào.

3. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các hoạt động của Phong trào; phối hợp với Hội chữ thập đỏ triển khai có hiệu quả Phong trào tại các địa phương, đơn vị.

4. Hội Chữ thập đỏ tỉnh căn cứ tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch triển khai Phong trào với nội dung, chỉ tiêu, địa bàn, đối tượng cụ thể; kế hoạch huy động, vận động nguồn lực thiết thực, hiệu quả; tổ chức Lễ phát động đảm bảo trang trọng, ý nghĩa, tiết kiệm. Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Chữ thập đỏ các cấp tiến hành khảo sát, lập danh sách đối tượng trao quà và dự kiến mức hỗ trợ để vận động các



tổ chức, cá nhân trợ giúp, đảm bảo các hoạt động chăm lo Tết cho các đối tượng thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, ý nghĩa.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Lâm Đồng và các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền, cổ vũ Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Nhâm Dần - năm 2022 nhằm góp phần thúc đẩy thực hiện Phong trào có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy theo dõi, phối hợp với các ban, ngành liên quan thường xuyên đôn đốc việc thực hiện, tổng hợp tình hình báo cáo Thường trực Tỉnh ủy biết, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đảng đoàn Hội CTĐ Việt Nam,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD4.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Trần Đình Văn**

